

Số: 07/BB-THCSVTT

BIÊN BẢN
Về việc Niêm yết công khai năm học 2025-2026

- I. THỜI GIAN:** 8 giờ 30 ngày 15 tháng 6 năm 2026
II. ĐỊA ĐIỂM: Văn phòng Trường THCS Võ Trường Toàn
III. THÀNH PHẦN
1. Bà Nguyễn Thị Duyên – Hiệu trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Cẩm – Phó Hiệu trưởng
3. Bà Trần Ngọc Diệu Nhung – Thủ quỹ
4. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Kế toán
5. Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Hội đồng

IV. NỘI DUNG

1. Hồ sơ niêm yết công khai:

Niêm yết Báo cáo công khai năm học 2025-2026 (Báo cáo số 19/BC-THCSVTT ngày 15/6/2026 và các biểu mẫu kèm Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Báo cáo thực hiện quy chế công khai năm học 2025-2026)

2. Thời gian công khai

Từ 8 giờ 30 ngày 15/6/2026 đến hết ngày 15/9/2026 (Thực hiện niêm yết ít nhất 90 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, theo khoản 2 Điều 15 Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, có hiệu lực từ ngày 19/7/2024)

3. Địa điểm công khai: Bảng Thông báo tại khu Hành chính nhà trường, website trường <https://thcsvotruongtoanvc.edu.vn>

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp.

Biên bản được lập xong vào lúc 9 giờ 00 cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất

THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Nguyễn Thị Ngọc Cẩm – Phó Hiệu trưởng
2. Trần Ngọc Diệu Nhung – Thủ quỹ
3. Nguyễn Thị Kim Hồng – Kế toán
4. Lê Thị Thùy Dương – Thư ký HĐ

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Duyên

Số: 19/BC-THCSVT

Tân Triều, ngày 15 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO
Về việc thực hiện quy chế công khai năm học 2025-2026.

Căn cứ tình hình thực hiện, trường THCS Võ Trường Toản báo cáo như sau:

1. Quán triệt hệ thống văn bản pháp quy về thực hiện Quy chế công khai

Trong năm học 2025–2026, nhà trường đã quán triệt đầy đủ hệ thống các văn bản chỉ đạo liên quan đến việc thực hiện Quy chế công khai, bao gồm:

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT (quy định, hướng dẫn, hoặc sửa đổi – bổ sung liên quan đến công tác công khai; thực hiện theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và Phòng Văn hóa-Xã hội.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí và giá dịch vụ giáo dục.

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó quy định rõ trách nhiệm công khai của cơ sở giáo dục.

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, trong đó có cơ sở giáo dục công lập.

- Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chế độ công khai tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Luật Giáo dục năm 2019, các quy định liên quan về quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Các văn bản hướng dẫn Sở GD&ĐT, UBND phường Tân Triều, Phòng Văn hóa-Xã hội về thực hiện công khai trong năm học.

Nhà trường đã tổ chức:

- Triển khai đầy đủ trong cuộc họp Hội đồng đầu năm và qua các kênh văn bản nội bộ.

- Niêm yết công khai tại văn phòng và đăng tải trên cổng thông tin điện tử (nếu có).

- Quán triệt đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm đảm bảo nhận thức đúng, thực hiện thống nhất các quy định.

Kết quả: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tiếp thu và thực hiện nghiêm túc; công tác công khai được triển khai minh bạch, đúng thời hạn, đúng quy định.

2. Kết quả thực hiện công khai

2.1. Công khai về tổ chức bộ máy và đội ngũ

- Nhà trường đã niêm yết công khai cơ cấu tổ chức, danh sách cán bộ – giáo viên – nhân viên, trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Các thông tin được cập nhật kịp thời tại bảng thông tin của trường và trong các

cuộc họp Hội đồng.

Kết quả: 100% đội ngũ được công khai đầy đủ; không có phản ánh hay kiến nghị liên quan đến thiếu minh bạch.

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Số lượng phòng học, phòng chức năng, thư viện, thiết bị dạy học... được tổng hợp và công khai đúng mẫu biểu.

- Công khai kế hoạch tu sửa, bổ sung CSVC, mua sắm thiết bị; ghi rõ nguồn kinh phí theo từng nội dung.

Kết quả: Toàn bộ CSVC – thiết bị được công khai rõ ràng; các khoản đầu tư, mua sắm được báo cáo và niêm yết đầy đủ.

2.3. Công khai chất lượng giáo dục

- Công khai kết quả tuyển sinh các khối lớp theo chỉ tiêu được phê duyệt.

- Công khai kết quả giáo dục và rèn luyện học sinh: tỉ lệ hoàn thành môn học, năng lực, phẩm chất, tỉ lệ lên lớp, tỉ lệ HS tham gia và đạt giải các cuộc thi.

- Công khai kế hoạch giáo dục nhà trường, phân phối chương trình, thời khóa biểu.

Kết quả: Tất cả thông tin chất lượng giáo dục được niêm yết đúng thời điểm; minh bạch, không có thắc mắc từ phụ huynh.

2.4. Công khai tài chính

- Công khai dự toán – quyết toán ngân sách năm học; các khoản chi thường xuyên, mua sắm, sửa chữa.

- Công khai các khoản thu theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP; đảm bảo đúng nguyên tắc tự nguyện, không ép buộc.

Kết quả: Báo cáo tài chính được niêm yết định kỳ hằng quý; 100% khoản thu – chi minh bạch; không có đơn thư khiếu nại.

2.5. Đánh giá chung

Ưu điểm:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, minh bạch theo các văn bản pháp luật.

- Hình thức công khai đa dạng: niêm yết, thông báo họp phụ huynh, văn bản nội bộ, họp hội đồng.

- Nhận được sự đồng thuận của giáo viên, phụ huynh, cơ quan quản lý.

Hạn chế

- Cập nhật trên cổng thông tin điện tử đôi lúc còn chậm.

- Một số minh chứng cần chuẩn hóa định dạng theo yêu cầu mới của Thông tư 09/2024.

Nguyên nhân

- Khối lượng công việc nhiều; trang thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế.

- Một số quy định mới được cập nhật trong năm học cần thời gian để triển khai đầy đủ.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại VP;
- HĐSP nhà trường;
- Website;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Duyên



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN TRIỀU
TRƯỜNG THCS VÕ TRƯỜNG TOẢN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2025-2026

(Thời điểm báo cáo ngày 15 tháng 6 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THCS Võ Trường Toản

2. Địa chỉ, số điện thoại, cổng thông tin điện tử:

- Địa chỉ: Khu phố Thới Sơn, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai

- Số điện thoại: 0355680684 / 0947638031

- Cổng thông tin điện tử:

Website: <https://thcsvotruongtoanvc.edu.vn>

Fanpage: <https://www.facebook.com/profile.php?id=100084157299224>

3. Loại hình cơ sở giáo dục/cơ quan quản lý trực tiếp

Trường THCS Võ Trường Toản/UBND phường Tân Triều

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng: Trường THCS Võ Trường Toản có sứ mạng tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và chất lượng, giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực, hình thành kỹ năng sống, nền tảng tri thức vững chắc và tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội.

- Tầm nhìn: Đến năm 2030, trường THCS Võ Trường Toản phấn đấu trở thành cơ sở giáo dục đạt chuẩn, có môi trường học tập hiện đại, đổi mới và sáng tạo, là nơi học sinh được phát triển toàn diện, giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và xu thế hội nhập.

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu chung

. Xây dựng nhà trường kỷ cương – thân thiện – chất lượng – hiệu quả.

. Phát triển học sinh toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống.

. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

. Nâng cao năng lực đội ngũ, xây dựng tập thể đoàn kết, chuyên nghiệp.

+ Mục tiêu cụ thể

. 100% học sinh được học tập trong môi trường an toàn, bình đẳng; giảm tối đa tình trạng vi phạm nội quy và bạo lực học đường.

. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng hằng năm; hạn chế học sinh yếu, kém.

. Đổi mới ít nhất 30–50% chuyên đề dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

. 100% giáo viên thực hiện đầy đủ quy định chuyên môn; $\geq 95\%$ đạt chuẩn hoặc trên chuẩn nghề nghiệp.

. Phát triển các câu lạc bộ học thuật – kỹ năng – thể thao, tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích sáng tạo.

. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học và phần mềm trong quản lý.

5. Quá trình hình thành và phát triển của trường THCS Võ Trường Toản

Trường THCS Võ Trường Toản, tiền thân là trường cấp II Võ Thị Sáu sau đổi tên là trường THCS Tân Bình, tọa lạc trên diện tích 3257m² tại ấp Bình Phước, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, UBND tỉnh Đồng Nai đã có quyết định số 1308/QĐ-UBT ngày 29/04/2002 về việc xây dựng Trường THCS Võ Trường Toản thay thế cho trường THCS Tân Bình. Kể từ ngày 22/9/2003 theo quyết định số 2226/QĐ-UBH, Trường THCS Tân Bình chính thức đổi tên thành Trường THCS Võ Trường Toản.

Trường THCS Võ Trường Toản tọa lạc ở Khu phố Thới Sơn, phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai với diện tích 14.370 m² là một khu riêng biệt, có tường rào, có cổng trường, có nhà bảo vệ, nhà xe đạp cho giáo viên và học sinh rộng rãi, bố trí hợp lý. Cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng khang trang, đầy đủ phòng học, các phòng chức năng và các phương tiện làm việc khác phục vụ cho việc dạy học và các hoạt động khác của nhà trường.

Đội ngũ CB-GV-NV của trường đầy đủ, có năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao. Nội bộ nhà trường đoàn kết, ổn định, thống nhất. Đa số học sinh chăm ngoan, có nề nếp và có ý thức học tập tốt.

Qua hơn 24 năm hình thành và phát triển, được sự quan tâm của Lãnh đạo các cấp, cùng với sự hỗ trợ nhiệt tình của BDD CMHS, tập thể giáo viên, học sinh đã nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, tỉ lệ học sinh giỏi tăng dần trong 5 năm qua; tỷ lệ học sinh yếu kém giảm dần góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. tốt.

6. Thông tin người đại diện

- Họ tên: Nguyễn Thị Duyên
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường THCS Võ Trường Toản, khu phố Thới Sơn, phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai
- SĐT: 0355680684; Thư điện tử: thiduyentp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập: Quyết định 2226/QĐ.CT.UBND ngày 22/9/2003 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu về việc Đổi tên Trường trung học cơ sở Tân Bình thành Trường Trung học cơ sở Võ Trường Toản.

b. Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường

- **Hiệu trưởng Nguyễn Thị Duyên:**

Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 12/03/2025 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc Thuyên chuyển, bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường THCS Võ Trường Toản.

Quyết định số 439/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2025 của Sở GD&ĐT Đồng Nai về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý

- Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Ngọc Cẩm

Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 05/05/2025 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ quản lý.

Quyết định số 440/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2025 của Sở GD&ĐT Đồng Nai về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý

b. Tổ chức bộ máy

- Ban Giám hiệu

+ Hiệu trưởng: quản lý điều hành mọi hoạt động của nhà trường; trực tiếp phụ trách công tác tổ chức, công tác kế hoạch, công tác đối ngoại, công tác tài chính của đơn vị, mua sắm - sửa chữa và tổ chức các hoạt động ngoại khóa của học sinh.

+ Phó Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về phần việc được phân công; Cùng Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao; Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động của nhà trường khi được ủy quyền; Thay mặt Hiệu trưởng thực hiện công tác trực lãnh đạo, ghi nhận và giải quyết những vấn đề xảy ra trong buổi trực, nếu vượt ngoài thẩm quyền thì báo ngay cho Hiệu trưởng để xử lý.

- Tổ chuyên môn: Tham mưu cho Hiệu trưởng về việc phân công giảng dạy của các thành viên trong tổ; những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bộ môn; Quản lý, điều hành các hoạt động của tổ và của các thành viên. Chủ trì các chương trình công tác, các cuộc họp của tổ; Xây dựng kế hoạch, nội dung hoạt động của tổ trên cơ sở kế hoạch chung của nhà trường; Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chương trình, quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách và nghiệp vụ sư phạm của các thành viên trong tổ. Đề xuất với Hiệu trưởng để phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng học sinh giỏi; Được ủy quyền ra đề kiểm tra đối với bộ môn (có quyền phân công tổ viên ra đề) và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng của đề kiểm tra và tính bảo mật; Luôn trao đổi chuyên môn, gương mẫu để làm chỗ dựa tin cậy cho đồng nghiệp và cho Hiệu trưởng; có trách nhiệm giúp đỡ và động viên các thành viên trong tổ hoàn thành tốt nhiệm vụ; Từng thời điểm, có thể phụ trách thêm một vài công tác khác do Hiệu trưởng phân công; Quản lý hồ sơ của tổ và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Giáo viên THCS:

+ Xây dựng kế hoạch giáo dục của môn học được phân công và tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn theo mục tiêu, chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở.

+ Dạy học và giáo dục học sinh theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chuyên môn; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức.

+ Sử dụng các phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh, tích cực hóa hoạt động của học sinh

+ Thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh theo quy định.

+ Tham gia phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu hoặc phụ đạo học sinh yếu kém hoặc hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm (nếu có).

+ Tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh và cha mẹ học

sinh của lớp được phân công.

- + Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh.

- + Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; tham gia nghiên cứu khoa học; hoàn thành hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục theo quy định; thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở và giáo dục hòa nhập trong phạm vi được phân công; tham gia tổ chức các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp trường trở lên (nếu có).

- + Hoàn thành các khóa đào tạo, chương trình bồi dưỡng theo quy định; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

- + Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp, công nghệ mới từ cấp trường trở lên; chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn hoặc tham gia xây dựng học liệu điện tử.

- + Tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ từ cấp trường trở lên.

- + Tham gia các hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng; thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh.

- + Tham gia đoàn đánh giá ngoài; hoặc công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên từ cấp trường trở lên.

- + Tham gia ban giám khảo hoặc ban ra đề hoặc người hướng dẫn trong các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp trường trở lên (nếu có).

- + Tham gia biên soạn hoặc thẩm định hoặc lựa chọn sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương hoặc các tài liệu dạy học khác và tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên.

- + Làm báo cáo viên, chia sẻ kinh nghiệm hoặc dạy minh họa ở các lớp tập huấn, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên từ cấp huyện trở lên hoặc tham gia dạy học trên truyền hình.

- + Chủ trì triển khai, hướng dẫn đồng nghiệp triển khai các chủ trương, nội dung đổi mới của ngành.

- + Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên từ cấp huyện trở lên; tham gia đánh giá hoặc hướng dẫn các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ từ cấp huyện trở lên.

- + Tham gia ban tổ chức hoặc ban giám khảo hoặc ban ra đề trong các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp huyện trở lên (nếu có).

- Nhân viên

- + Văn thư-Thủ quỹ:

Được Hiệu trưởng ủy nhiệm quản lý và sử dụng mộc dấu của nhà trường theo đúng quy chế; Quản lý sổ công văn đi-đến, tiếp nhận công văn và chuyển đến các bộ phận liên quan; quản lý và cập nhật sổ khen thưởng; Trực điện thoại, theo dõi mạng Internet kịp thời cập nhật thông tin và thông báo cho Hiệu trưởng; Giúp Hiệu trưởng soạn thảo các loại văn bản, báo cáo; Phụ trách công tác Pháp chế của nhà trường;

Thực hiện chức năng thu, giữ và chi tiền đúng quy định; Đảm bảo tốt hồ sơ, chứng từ liên quan, cập nhật kịp thời; Thông báo ngay cho Hiệu trưởng biết khi phát hiện có tình

huống bất thường trong chi tiêu để kịp thời xử lý; Báo cáo kịp thời cho Hiệu trưởng tình hình thu, chi; Trung thực trong công việc, thường xuyên tự kiểm tra quỹ tiền mặt và đối chiếu với kế toán; Quan hệ phân minh với mọi đối tượng trong nhà trường; Thông báo và giải thích rõ ràng các chế độ thu, chi cho GV, HS và CMHS.

+ Kế toán: Tham mưu cho Hiệu trưởng, các bộ phận liên quan cách sử dụng kinh phí, thu chi đúng quy định của nhà nước; Giúp Hiệu trưởng xây dựng dự toán, kế hoạch tài chính của nhà trường trong từng năm học; Thực hiện chức năng quản lý hồ sơ tài chính đúng theo pháp lệnh tài chính kế toán của nhà nước; Đảm bảo thực hiện tốt chế độ lương, phụ cấp lương, BHXH và các chế độ phúc lợi quy định trong quy chế Chi tiêu nội bộ của nhà trường; Chứng từ, sổ sách minh bạch rõ ràng và đúng quy định; Công khai tài chính định kỳ theo yêu cầu của Hiệu trưởng; Đảm bảo các báo cáo định kỳ cho cấp trên;

+ Y tế: Sơ, cấp cứu ban đầu; Giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh; Bảo quản thuốc và tài sản được quản lý; Thiết lập hệ thống sổ sách chuyên ngành theo quy định, cập nhật đầy đủ; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của hiệu trưởng.

+ Thiết bị thí nghiệm: Phối hợp với các tổ bộ môn lên kế hoạch và tổ chức thực hành thí nghiệm theo quy định của chương trình; Thiết lập các sổ theo đúng quy định để bảo quản ĐDDH, xây dựng nội quy khi THTN; Quản lý các phòng máy, phòng Internet. Theo dõi, xếp lịch và báo cáo việc sử dụng các phòng chức năng nói trên; Lên kế hoạch trực thiết bị. Quản lý và cho mượn ĐDDH, ghi nhận và báo cáo cho Lãnh đạo nhà trường việc sử dụng ĐDDH của GV; Lên kế hoạch và tham mưu cho Hiệu trưởng việc mua sắm ĐDDH; Quản lý, bảo quản tài sản được giao; Lập sổ tài sản và cập nhật kịp thời theo đúng quy định.

d. Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc của lãnh đạo đơn vị

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Duyên; SĐT: 0355680684; Thư điện tử: thiduyentp@gmail.com; Trường THCS Võ Trường Toản, khu phố Thới Sơn, phường Tân Triều, Tp Đồng Nai

Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Ngọc Cẩm; SĐT: 0947638031; Thư điện tử: nguyencamvtt@gmail.com; Trường THCS Võ Trường Toản, khu phố Thới Sơn, phường Tân Triều, Tp Đồng Nai

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng

Tổng số CB-GV-NV: 52/58 biên chế giao (QL: 2, GV: 46 (tính TPT), NV: 4)

- Số nhân viên thiếu: 1 ; Vị trí cần tuyển dụng: Nhân viên thư viện

- Hợp đồng lao động 161: 2 người (1 bảo vệ, 1 phục vụ)

- Số GV thỉnh giảng: 4 GV môn: 1 Lịch sử, 1 Địa lý, 1 Mĩ thuật

2. số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Về CBQL: Số cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn 2/2 người, tỷ lệ 100%; trên chuẩn 0/2 người, tỷ lệ 0,0%.

- Về GV: Số GV đạt chuẩn 42/46, tỷ lệ 91.3%; trên chuẩn 01/46 người, tỷ lệ 2,1%, chưa đạt chuẩn 3/46 người, tỷ lệ 6.6%

+ Số GV chưa đạt chuẩn đang theo học lớp hoàn chỉnh: 1/3 (1 GV đ Đại học SP tiếng Anh)

+ Số GV chưa đạt chuẩn nhưng không theo học lớp hoàn chỉnh: 2 GV (2GV lớn tuổi: 1 GV sinh năm 1967, 1 GV sinh năm 1968)

- Về nhân viên: Số nhân viên đạt chuẩn 4/4, tỷ lệ 100%, chưa đạt chuẩn 0/4, tỷ lệ 0,0%.

3. Số lượng tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

- Số cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp đào tạo trong năm học 2024-2025 (đã tốt nghiệp): Đại học: 0 người, Thạc sĩ: 0 người

- Số cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng lớp quản lý: 0 người

- Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có sáng kiến, chuyên đề đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục: 13

4. Kết quả phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học 2025 -2026)

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 11/52, tỷ lệ 21,1% (cán bộ quản lý 1/2, tỷ lệ 50 %; giáo viên, nhân viên 10/52, tỷ lệ 19.2%)

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 40/52, tỷ lệ 76,9% (cán bộ quản lý 1/2, tỷ lệ 50%; giáo viên, nhân viên 39/52, tỷ lệ 75.0%)

- Hoàn thành nhiệm vụ: 1/52, tỷ lệ 2.0%

- Không hoàn thành nhiệm vụ: 0/52, tỷ lệ 0,0%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Phòng làm việc

Có 9 phòng làm việc gồm: 01 phòng HT, 01 phòng PHT, 01 phòng bảo vệ, 01 văn phòng, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Đoàn Đội, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng họp tổ CM; 01 phòng tạp vụ.

2. Phòng học:

- Có 14 phòng học dành cho lớp học 1 buổi/ngày.

- Tổng số bàn ghế học sinh hiện có: 360 bộ bàn ghế (*phòng học chính đủ bàn ghế, các phòng bộ môn chưa có bàn ghế 2 chỗ ngồi*)

- Số phòng học được trang bị thiết bị công nghệ thông tin (ti vi): 14/14 phòng, tỷ lệ 100%

3. Phòng bộ môn

Có 08 phòng bộ môn, gồm:

- Phòng tin học: Có 02 phòng, diện tích 50 m²/phòng, trang bị 31 máy vi tính/phòng, tổng 62 máy tính. (*Hiện cả hai phòng máy còn 05 máy hoạt động được*)

- Phòng ngoại ngữ: Có 01 phòng, diện tích iện tích 50 m², trang bị 12 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, 1 bảng tương tác.

- Phòng âm nhạc: Có 01 phòng, diện tích 50 m², trang bị 12 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, 1 Tivi, 1 đàn organ, sáo,...

- Phòng mỹ thuật: Có 01 phòng, diện tích 50 m², trang bị 12 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, 1 Tivi

- Phòng công nghệ: Có 01 phòng, diện tích 50 m², trang bị 12 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, 1 bảng tương tác.

- Phòng thực hành Hóa: Có 01 phòng, diện tích 75 m², trang bị bàn ghế thí nghiệm dành cho các nhóm, 1 bảng tương tác, kho chứa hóa chất

- Phòng thực hành Lý: Có 01 phòng, diện tích 50 m², trang bị TV, 1 kho chứa ĐDDH

4. Các phòng hỗ trợ học tập:

- Thư viện: Có 1 phòng thư viện, 1 thư viện xanh, 1 phòng đọc được trang bị đầy đủ các loại sách như sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện, tạp chí,... Số sách giáo khoa CT GDPT 2018: 948 cuốn; sách tham khảo: 4830 cuốn, sách thiếu nhi: 2409 cuốn.

Người phụ trách: GV Kiêm nhiệm, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện.

- Ngôi nhà trí tuệ: Có diện tích 30m²

- Phòng thiết bị giáo dục: Có diện tích 50 m², có 6 loại thiết bị (gồm máy cattset, tai nghe, bộ chọn trắc nghiệm, máy chiếu đa vật thể, laptop, màn chiếu), 6 bộ đồ dùng dạy học/khối theo chương trình 2006

- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: không có

- Phòng truyền thống: Có diện tích 50 m²

- Phòng họp: Không có

- Hội trường: Có diện tích 200 m², trang bị 51 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, trang thiết bị: 2 tivi

- Phòng nghỉ giáo viên: có 03 phòng, diện tích mỗi phòng 25 m²

5. Công trình thể dục thể thao:

- Hồ bơi: Diện tích 150 m²

- Sân bóng đá: Diện tích 748 m²

- Bãi tập: Có 1 bãi tập, gồm 2 sân cầu lông, 1 sân bóng chuyền, 1 hồ nhảy, 1 đường chạy, diện tích 1.000 m²

- Khu vui chơi: Có 01 khu vui chơi, diện tích 3.167 m²

6. Nhà vệ sinh

- Khu vệ sinh học sinh: 8 khu

- Nhà vệ sinh trong phòng nghỉ giáo viên: 4 phòng

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường được công nhận và cấp Chứng nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, theo quyết định số 244/QĐ-SGDĐT ngày 25/3/2022 của Sở GD&ĐT Đồng Nai

Trường được công nhận và cấp Bằng trường trung học đạt chuẩn quốc gia năm 2022, Mức độ 1, theo quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai

V. KẾT QUẢ GIÁO DỤC

+ Khối 9: 7 lớp, 324 HS2. **Kết quả giáo dục**

Năm học	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Chưa đạt (%)
Rèn luyện				
2024-2025	1224/1228 99,67%	4/1228 0.33%	0/1228 0,0%	0/1228 0,0%
2025-2026	1370/1370 100.0%	00 0.0%	0 0.0%	0 0.0%
Học tập				
2024-2025	609/1228 49.59%	468/1228 38,11%	151/1228 12,30%	0/1228 0,0%
2025-2026	656/1370 47.88%	511/1370 37.30%	203/1370 14.82%	0 0.0%

+ Cả hai năm học đều không có học sinh xếp học lực Yếu và Kém.

Với Kết quả rèn luyện

[illegible]

7.3	48	18	48	100.00								48	100.00
7.4	46	28	46	100.00								46	100.00
7.5	46	18	46	100.00								46	100.00
7.6	48	20	48	100.00								48	100.00
7.7	48	19	48	100.00								48	100.00
KHỐI 8	377	182	377	100.00								377	100.00
8.1	47	22	47	100.00								47	100.00
8.2	47	20	47	100.00								47	100.00
8.3	47	23	47	100.00								47	100.00
8.4	47	23	47	100.00								47	100.00
8.5	47	26	47	100.00								47	100.00
8.6	48	18	48	100.00								48	100.00
8.7	47	23	47	100.00								47	100.00
8.8	47	27	47	100.00								47	100.00
KHỐI 9	327	155	327	100.00								327	100.00
9.1	47	23	47	100.00								47	100.00
9.2	48	22	48	100.00								48	100.00
9.3	47	24	47	100.00								47	100.00
9.4	43	21	43	100.00								43	100.00
9.5	48	22	48	100.00								48	100.00
9.6	47	21	47	100.00								47	100.00

Với Kết quả học tập

Lớp	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	KẾT QUẢ HỌC TẬP										DANH HIỆU			
			TỐT		KHÁ		ĐẠT		C.ĐẠT		Trên TB		HSG		HSXS	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
TỔNG	1370	641	718	52.41	483	35.26	169	12.34			1370	100.00	455	33.21	263	19.20
KHỐI 6	332	160	170	51.20	128	38.55	34	10.24			332	100.00	115	34.64	55	16.57
6.1	47	22	32	68.09	14	29.79	1	2.13			47	100.00	21	44.68	11	23.40
6.2	46	22	26	56.52	13	28.26	7	15.22			46	100.00	18	39.13	8	17.39
6.3	49	25	30	61.22	19	38.78					49	100.00	21	42.86	9	18.37
6.4	47	22	23	48.94	17	36.17	7	14.89			47	100.00	17	36.17	6	12.77
6.5	48	23	19	39.58	19	39.58	10	20.83			48	100.00	13	27.08	6	12.50
6.6	48	25	18	37.50	23	47.92	7	14.58			48	100.00	10	20.83	8	16.67
6.7	47	21	22	46.81	23	48.94	2	4.26			47	100.00	15	31.91	7	14.89
KHỐI 7	334	144	130	38.92	119	35.63	85	25.45			334	100.00	73	21.86	57	17.07
7.1	48	22	14	29.17	21	43.75	13	27.08			48	100.00	11	22.92	3	6.25
7.2	50	19	11	22.00	27	54.00	12	24.00			50	100.00	10	20.00	1	2.00
7.3	48	18	18	37.50	12	25.00	18	37.50			48	100.00	11	22.92	7	14.58
7.4	46	28	46	100.00							46	100.00	7	15.22	39	84.78
7.5	46	18	12	26.09	19	41.30	15	32.61			46	100.00	10	21.74	2	4.35
7.6	48	20	14	29.17	19	39.58	15	31.25			48	100.00	9	18.75	5	10.42
7.7	48	19	15	31.25	21	43.75	12	25.00			48	100.00	15	31.25		
KHỐI 8	377	182	235	62.33	117	31.03	25	6.63			377	100.00	142	37.67	93	24.67

8.1	47	22	27	57.45	14	29.79	6	12.77			47	100.00	19	40.43	8	17.02
8.2	47	20	22	46.81	24	51.06	1	2.13			47	100.00	18	38.30	4	8.51
8.3	47	23	28	59.57	17	36.17	2	4.26			47	100.00	18	38.30	10	21.28
8.4	47	23	25	53.19	13	27.66	9	19.15			47	100.00	20	42.55	5	10.64
8.5	47	26	28	59.57	16	34.04	3	6.38			47	100.00	19	40.43	9	19.15
8.6	48	18	34	70.83	14	29.17					48	100.00	25	52.08	9	18.75
8.7	47	23	24	51.06	19	40.43	4	8.51			47	100.00	18	38.30	6	12.77
8.8	47	27	47	100.00							47	100.00	5	10.64	42	89.36
KHỐI 9	327	155	183	55.96	119	36.39	25	7.65			327	100.00	125	38.23	58	17.74
9.1	47	23	24	51.06	20	42.55	3	6.38			47	100.00	17	36.17	7	14.89
9.2	48	22	33	68.75	12	25.00	3	6.25			48	100.00	26	54.17	7	14.58
9.3	47	24	26	55.32	18	38.30	3	6.38			47	100.00	14	29.79	12	25.53
9.4	43	21	27	62.79	14	32.56	2	4.65			43	100.00	14	32.56	13	30.23
9.5	48	22	22	45.83	22	45.83	4	8.33			48	100.00	14	29.17	8	16.67
9.6	47	21	24	51.06	16	34.04	7	14.89			47	100.00	20	42.55	4	8.51
9.7	47	22	27	57.45	17	36.17	3	6.38			47	100.00	20	42.55	7	14.89

3. Số lượng HS chuyển đến: 75 học sinh

STT	Tên lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trạng thái học sinh	Chuyển đi Tỉnh/Thành phố	Chuyển đi Phường/Xã	Chuyển đi từ trường
1	6.2	Nguyễn Đức Tiến	01/04/2014	Nam	Chuyển đến kỳ 2	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Phước Long	THCS Phước Bình
2	6.2	Phạm Thanh Vân	25/08/2014	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Phước Long	THCS Đặng Tấn Tài
3	6.5	Cao Thị Tường Vy	31/07/2014	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Tân Đông Hiệp	THCS Tân Đông Hiệp B
4	6.6	Lưu Thị Ngọc Hân	25/05/2014	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Ninh Bình	Xã Kim Sơn	Trường THCS Hùng Tiến
5	6.6	Đỗ Hoàng Ngọc Thảo	18/12/2014	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Đông Hòa	Trường THCS Đông Hòa
6	6.7	Nguyễn Ngọc Anh Thư	14/10/2014	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Quảng Trị	Xã Hoàn Lão	Trường THCS Quách Xuân Kỳ
7	6.7	Nguyễn Trường An	07/12/2014	Nam	Chuyển đến kỳ 2	Tỉnh Đồng Nai	Phường Biên Hòa	Trường THCS Tân Hạnh
8	7.1	Hoàng Nhất Thiên	16/01/2013	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Tuyên Quang	Xã Linh Hồ	Trường THCS và THPT Linh Hồ
9	7.1	Lê Hoàng Minh	29/11/2013	Nam	Chuyển đến kỳ 2	Tỉnh Đồng Nai	Phường Long Hưng	Trường THCS Long Bình Tân

10	7.1	Nguyễn Ngọc Gia Hân	05/09/2013	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Long Hưng	Trường THCS Long Bình Tân
11	7.1	Nguyễn Xuân Toàn	25/11/2013	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Xã Phú Vinh	Trường THCS Phú Tân
12	7.1	Mạch Thái Trung Thành	21/02/2012	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh An Giang	Xã U Minh Thượng	Trường TH và THCS Minh Thuận 2
13	7.1	ĐOÀN NGUYỄN TÚ QUỲNH	16/11/2013	Nữ	Chuyển đến trong hè	Thành phố Cần Thơ	Xã Hiệp Hưng	THPT Cây Dương
14	7.1	Tổng Thị Ni Ni	07/04/2013	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Đắk Lắk	Phường Buôn Mê Thuộc	THCS Trung Vương
15	7.2	Trương Quang Thiên	07/02/2013	Nam	Chuyển đến trong hè	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Đông Hòa	Trường THCS Đông Hòa
16	7.2	Lê Hoàng Phúc	20/09/2013	Nam	Chuyển đến kỳ 2	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trần Biên	Trường THCS Quyết Thắng
17	7.2	Bùi Minh Tiến	30/12/2011	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trần Biên	Trường THCS Tân Bửu
18	7.2	Nguyễn Hoàng Minh Đăng	05/03/2013	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	Trường THCS Xuân Hòa
19	7.2	Lữ Thị Anh Thư	13/03/2013	Nữ	Chuyển đến kỳ 2	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường THCS Bình Đa
20	7.2	Bùi Ngọc Đăng Khoa	15/03/2013	Nam	Chuyển đến kỳ 2	Tỉnh Vĩnh Long	Xã Bình Đại	Trường THCS Lê Hoàng Chiếu
21	7.3	Lê Quang Thành Danh	28/03/2013	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Knốp	THCS Cao Bá Quát
22	7.3	Nguyễn Thanh Nhã	23/10/2013	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường THCS Tân Tiến
23	7.3	Lai Kim Ngọc	29/12/2013	Nữ	Thôi học kỳ 2	Tỉnh An Giang	Xã Kiên Lương	Trường THCS Kiên Lương
24	7.3	Nguyễn Minh Nguyên	09/10/2013	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Cà Mau	Xã Đầm Dơi	THCS Dương Thị Cẩm Vân
25	7.4	Nguyễn Trần Anh Thy	02/02/2013	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trảng Dài	Trường THCS Trảng Sa

26	7.5	Hồ Tùng Lâm	16/10/2013	Nam	Chuyển đến trong hè	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Thuận Giao	Trường THCS Bình Chuẩn 2
27	7.5	Giềng Hân Hân	25/04/2013	Nữ	Chuyển đi kỳ 2	Tỉnh Đồng Nai	Xã Xuân Đông	Trường THCS Lê Quý Đôn
28	7.6	Trịnh Thị Thu Ngân	08/05/2013	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trảng Dài	Trường THCS Trường Sa
29	7.6	Vy Cảnh Nhật	07/10/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Xã Tân An	Trường THCS Vĩnh Tân
30	7.6	Trần Hà Thanh Phong	22/05/2013	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường TH-THCS-THPT Bùi Thị Xuân
31	7.6	Nguyễn Tuấn Phát	08/06/2013	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Thành phố Hồ Chí Minh		Trường THCS Khánh Bình
32	7.7	Lê Phú Nhật Minh	03/01/2013	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tân Triều	Trường THCS Thạnh Phú
33	7.7	Trịnh Kim Gia Bảo	12/06/2013	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tam Phước	Trường THCS Hòa Bình
34	8.1	NGUYỄN TUẤN QUYÊN	24/07/2012	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Thành phố Hà Nội	Xã Hương Sơn	THCS xã Hương Sơn
35	8.1	Lưu Gia Bảo	07/09/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Ninh Bình	Xã Kim Sơn	Trường THCS Hùng Tiến
36	8.1	Nguyễn Bình Phương Uyên	12/12/2012	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Xã Thống Nhất	Trường THCS Phú Túc
37	8.1	Trương Huỳnh Bảo Trân	02/05/2012	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trảng Biên	Trường TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn
38	8.1	Phan Gia Cường	04/12/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trảng Biên	Trường TH-THCS-THPT Song ngữ Á Châu
39	8.2	Phan Thiện Khang	07/08/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trảng Biên	Trường THCS Quyết Thắng
40	8.2	Nguyễn Minh Khôi	04/04/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Cà Mau	Xã Đầm Dơi	THCS Dương Thị Cẩm Vân
41	8.3	Nguyễn Thế Thuận	11/06/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Đông Hòa	Trường THCS Đông Hòa

42	8.3	Nguyễn Lê Tuấn Kiệt	21/12/2012	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trần Biên	Trường TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn
43	8.3	Nguyễn Trịnh Vân Anh	11/02/2012	Nữ	Chuyển đến kỳ 2	Tỉnh Đồng Nai	Phường Biên Hòa	Trường THCS Tân An
44	8.3	Trà Thanh Trí	02/03/2012	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Đồng Tháp	Xã Thạnh Phú	Trường THCS Phú Cường
45	8.3	Nguyễn Kim Thùy Dương	08/07/2012	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Vĩnh Long	Xã Trà Côn	THCS TÂN MỸ
46	8.4	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	03/10/2012	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Thái Nguyên	Xã Phú Xuyên	TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ VIỆT AN
47	8.4	Nguyễn Vinh Hữu Trí	02/10/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trảng Dài	Trường THCS Thiện Tân
48	8.4	Mang Hoàng Mộng Trúc	17/03/2012	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Đồng Nai	Xã Phú Lâm	Trường THCS Trường Chinh
49	8.4	HOÀNG PHÁT	20/11/2012	Nam	Chuyển đến kỳ 2	Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Bà Điểm	THCS Nguyễn Văn Bứa
50	8.5	Phan Tuấn Tú	18/03/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trảng Dài	Trường THCS Trường Sa
51	8.5	Lê Thị Yến Nhi	04/06/2012	Nữ	Chuyển đến kỳ 2	Tỉnh Đồng Nai	Phường Long Hưng	Trường THCS Long Bình Tân
52	8.5	Lê Thị Quế Trâm	19/09/2012	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Biên Hòa	Trường THCS Tân Hạnh
53	8.5	Phạm Lê Thanh	16/09/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Phước Long	THCS Đặng Tấn Tài
54	8.5	Nguyễn Khắc Dũng	24/08/2012	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Tân Nhơn Phú	THCS Tân Phú
55	8.5	Phan Thanh Thu	04/04/2012	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh An Giang	Xã An Châu	Trường THCS An Châu
56	8.5	Dương Thanh Luyện	03/08/2012	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Cà Mau	Xã Khánh An	Trường THCS Huỳnh Phan Hộ

57	8.6	Trương Nguyễn Tuyết Nhi	19/09/2012	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Đô Vinh	THCS Trần Quốc Toàn
58	8.6	Vũ Quỳnh Anh	08/10/2010	Nữ	Chuyển đến trong hè	Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Bàu Bàng	Trường THCS Lai Uyên
59	8.6	Trần Nguyễn Khang	11/11/2012	Nam	Chuyển đến kỳ 2	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trần Biên	Trường TH- THCS- THPT Lê Quý Đôn
60	8.7	Võ Hoài Bảo Thư	14/10/2012	Nữ	Chuyển đến trong hè	Thành phố Hồ Chí Minh	Bắc Tân Uyên (Cũ)	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Mỹ
61	8.7	Đinh Quốc Hiệp	14/07/2012	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	Trường THCS- THPT Suối Nho
62	8.7	Nguyễn Hồ Gia Huy	28/08/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Xã Xuân Đông	Trường THCS Lê Quý Đôn
63	8.7	Nguyễn Thành Đô	25/03/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Vĩnh Long	Xã Mỹ Thuận	THCS Nguyễn Văn Thánh
64	8.7	Nguyễn Đặng Anh Thư	25/07/2012	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Cát Tiền	Trường THCS Quảng Ngãi
65	8.7	Hồ Ngọc Bội	03/05/2012	Nữ	Chuyển đến kỳ 1	Thành phố Cần Thơ	Xã Vĩnh Lợi	Trường THCS Châu Hưng
66	8.8	Lê Bách Hiếu	03/08/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trần Biên	Trường TH- THCS- THPT Song ngữ Á Châu
67	8.8	Nguyễn Viết Quốc Đạt	15/02/2012	Nam	Chuyển đến trong hè	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Bình Thạnh	THCS Rạng Đông
68	9.1	Hoàng Phương Nam	07/04/2011	Nam	Chuyển đến kỳ 1	Thành phố Hồ Chí Minh	Dĩ An (Cũ)	Trường THCS An Bình
69	9.1	Nguyễn Thị Minh Huyền	06/04/2011	Nữ	Chuyển đến kỳ 2	Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Đông Hòa	Trường THCS Đông Hòa
70	9.2	Lê Võ Thành Đạt	09/11/2011	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Trảng Dài	Trường THCS Thiện Tân
71	9.2	Huỳnh Thị Hoàng Anh	16/09/2011	Nữ	Chuyển đến trong hè	Thành phố Hồ Chí Minh	Tân Uyên (Cũ)	Trường THCS Khánh Bình

72	9.3	Hoàng Trần Khánh Đan	12/02/2011	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng
73	9.5	Hồ Quốc Trí	28/12/2011	Nam	Chuyển đến trong hè	Thành phố Đà Nẵng	Xã Trà Tập	Trường PTDTBT THCS Trà Tập
74	9.5	Vũ Trần Gia Phát	28/04/2011	Nam	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường THCS Lê Lợi
75	9.6	Bùi Lê Bảo Nhi	16/05/2011	Nữ	Chuyển đến trong hè	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường TH-THCS-THPT Bùi Thị Xuân

4. Số học sinh xin học lại đầu năm học 2025-2026: 07 HS

STT	Tên lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trạng thái học sinh
1	7.2	Trần Lâm Bảo Hân	12/05/2012	Nữ	Kinh	Nghỉ học xin học lại kỳ 1
2	7.7	Lê Duy Long	15/08/2012	Nam	Kinh	Nghỉ học xin học lại kỳ 1
3	8.5	Tổng Nhật Minh Ánh	17/05/2011	Nữ	Kinh	Nghỉ học xin học lại kỳ 1
4	8.7	Trương Đức Giang	17/04/2011	Nam	Kinh	Nghỉ học xin học lại kỳ 1
5	8.7	Châu Ngọc Thuận	25/07/2011	Nữ	Kinh	Nghỉ học xin học lại kỳ 1
6	9.3	Lê Đào Bảo Nam	16/03/2010	Nam	Kinh	Nghỉ học xin học lại kỳ 1
7	9.7	Lê Nhật Hào	05/06/2010	Nam	Kinh	Nghỉ học xin học lại kỳ 1

5. Số học sinh chuyển đi nơi khác học: 20HS

STT	Tên lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trạng thái học sinh	Chuyển đến	Chuyển đến Tỉnh/T hành phố	Chuyển đến trường	Lý do chuyển đi
1	6.2	Trần Võ Thành Đạt	29/10/2014	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 2	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Chuyển theo nguyện vọng gia đình
2	6.4	Đinh Thủy Linh Chi	13/09/2014	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 2	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường THCS Hùng Vương	Chuyển theo nguyện vọng
3	6.5	Bùi Linh Phương	27/05/2014	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Ngoài tỉnh	Tỉnh Nghệ An	THCS Quỳnh Dị	Chuyển theo gia đình
4	6.6	Huỳnh Nguyễn Đông Quân	06/10/2014	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Chuyển theo nguyện vọng

5	6.7	Nguyễn Ngọc Anh Thư	14/10/2014	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 2	Ngoài tỉnh	Tỉnh Quảng Trị	THCS Quách Xuân Kỳ	Chuyển đi theo nguyện vọng
6	7.1	Thiều Hoàng Như Ý	30/09/2013	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường THCS Tân An	Chuyển theo nguyện vọng
7	7.2	Ngô Lý Thư Kỳ	10/01/2013	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường THCS Thạnh Phú	Chuyển theo nguyện vọng
8	7.3	Nguyễn Gia Bảo	30/07/2013	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Ngoài tỉnh	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	Chuyển theo nguyện vọng
9	7.3	Huỳnh Thị Phương Linh	14/09/2013	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường THCS Ngô Gia Tự	Chuyển theo gia đình
10	7.5	Trần Quách Thành Danh	11/10/2013	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 2	Ngoài tỉnh	Tỉnh An Giang	Trường THCS Vọng Đông	Chuyển đi theo nguyện vọng
11	7.6	Nguyễn Thiên Kim	28/11/2013	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Ngoài tỉnh	Tỉnh Khánh Hòa	THCS Lê Quý Đôn	Chuyển theo nguyện vọng
12	8.1	Vũ Tuấn Tú	19/09/2012	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Ngoài tỉnh	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS và THPT Lạc Hồng	Chuyển theo nguyện vọng
13	8.3	Lê Lâm Khang	23/04/2012	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Ngoài tỉnh	Tỉnh Khánh Hòa	Trường THCS Nguyễn Huệ	Chuyển theo nguyện vọng
14	8.4	Huỳnh Thị Ngọc Ngân	20/11/2012	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường THCS Tân An	Chuyển theo nguyện vọng
15	8.5	Bùi Nhất Phong	01/09/2012	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Ngoài tỉnh	Tỉnh Nghệ An	THCS Quỳnh Dị	Chuyển theo gia đình
16	8.7	Võ Ngọc Lam	16/10/2012	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Ngoài tỉnh	Thành phố Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Thị Trung	Chuyển theo nguyện vọng
17	9.1	Trần Minh Triết	24/09/2011	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường TH-THCS-THPT Quốc tế	Chuyển theo nguyện vọng

									Bắc Mỹ Marianapo lis	
18	9.2	Trần Thanh Tân	05/10/2011	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường THCS Tân Bửu	Chuyển theo nguyên vọng
19	9.5	Lê Thị Thanh Trúc	28/06/2011	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Ngoài tỉnh	Tỉnh Nghệ An	THCS Liên - Lý	Chuyển đi theo nguyên vọng
20	9.6	Đặng Mai Phương	02/05/2011	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	Trong tỉnh	Thành phố Đồng Nai	Trường THCS Xuân Lập	Chuyển theo nguyên vọng

6. Số học sinh thôi học trong năm học 2025-2026

STT	Tên lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trạng thái học sinh
1	8.4	Lâm Gia Bảo	27/12/2012	Nam	Kinh	Thôi học trong hè
2	8.7	Nguyễn Công Thành	06/04/2012	Nam	Kinh	Thôi học trong hè
3	9.3	Huỳnh Tấn Phát	07/08/2011	Nam	Kinh	Thôi học trong hè
4	9.7	Trần Minh Nhựt	30/11/2009	Nam	Kinh	Thôi học trong hè
5	6.1	Lê Phát Tài	08/02/2012	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2
6	7.1	Thái Từ Anh Khoa	02/03/2011	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2
7	7.3	Lai Kim Ngọc	29/12/2013	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2
8	7.5	Giềng Hân Hân	25/04/2013	Nữ	Hoa	Thôi học kỳ 2
9	8.3	Nguyễn Ngọc Kim Cương	06/04/2012	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2
10	8.5	Nguyễn Thanh Phương	28/06/2011	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2
11	8.5	Lê Thị Cẩm Thúy	12/05/2010	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2
12	9.1	Đỗ Đại Hùng	30/06/2010	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2
13	9.4	Đỗ Đức Nam	14/07/2011	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2
14	9.4	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	05/11/2011	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2
15	9.6	Dương Quỳnh Anh	24/11/2011	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2
16	6.2	Nguyễn Hoàng Gia Kiệt	17/11/2012	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 1
17	7.2	Quản Ngọc Kim Huyền	08/09/2013	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 1
18	9.3	Đỗ Thị Hiền	04/07/2011	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính trong năm tài chính liên kê thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu

- Các khoản thu phân theo nguồn kinh phí

+ Ngân sách nhà nước năm 2025: 12.013.567.079 đ

- + Học phí: 0 đ
- + Phục vụ học tập năm học 2025-2026: 92.588.000 đ
- + Vệ sinh trường lớp năm học 2025-2026: 166.824.000 đ
- Các khoản thu theo loại hoạt động:
- + Quỹ BDD CMHS năm học 2025-2026: 255.658.000 đ

1.2. Các khoản chi:

- Chi lương và hoạt động (nguồn ngân sách): 11.757.124.044 đ
- Chi học phí: 0 đ
- Phục vụ học tập năm học 2025-2026: 92.588.000 đ
- Vệ sinh trường lớp năm học 2025-2026: 166.500.000 đ
- Quỹ BDD CMHS năm học 2025-2026: 250.925.760 đ

3. Số dư các quỹ theo quy định

- Ngân sách nhà nước: 256.443.035 đ
- Học phí: 0 đ
- Phục vụ học tập: 0 đ
- Vệ sinh trường lớp năm học 2025-2026: 324.000 đ
- Các khoản thu theo loại hoạt động:
- + Quỹ BDD CMHS năm học 2025-2026: 4.732.240 đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học 2025-2026, về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học, nhà trường cơ bản đã đạt được các mục tiêu đề ra về chất lượng giáo dục hai mặt của học sinh, sáng kiến, sáng tạo khoa học kỹ thuật, ... với các kết quả cụ thể như sau:

- Hội thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng năm 2025
Cấp huyện: 1 giải nhất, 1 giải nhì, 1 sản phẩm có tiềm năng
Cấp tỉnh: 1 giải khuyến khích
- Đạt giải Khuyến khích cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai cấp quốc gia năm học 2025-2026
- Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh: 1 giải ba
- Olympic tiếng Anh (IOE)
- + Cấp trường: 01 HS vinh danh giải nhất cấp toàn quốc, 12 HS vinh danh toàn tỉnh (2 giải nhất, 2 giải nhì, 2 giải ba, 6 giải khuyến khích)
- + Cấp phường: 01 HS vinh danh giải nhất cấp toàn quốc, 8 HS vinh danh toàn tỉnh (1 giải nhất, 1 giải nhì, 3 giải ba, 3 giải khuyến khích)
- + Cấp tỉnh: 01 HS vinh danh giải ba cấp toàn quốc, 7 HS vinh danh toàn tỉnh (1 giải nhất, 3 giải nhì, 3 giải khuyến khích)
- + Cấp quốc gia: 01 HS đạt huy chương vàng cấp quốc gia, 16 HS được chứng nhận Hoàn thành tốt vòng thi quốc gia.

- Toán Vioedu:

Cấp phường: 5 giải bạc, 4 giải đồng, 6 giải khuyến khích

Cấp tỉnh: đạt 2 giải khuyến khích

- Toán Violympic:

+ Cấp phường: 1 giải vàng

+ Cấp tỉnh: 1 giải vàng

+ Cấp quốc gia: 1 giải vàng

- Khoa học tự nhiên Violympic:

+ Cấp phường: 1 giải vàng

+ Cấp tỉnh: 1 giải vàng

- Toán quốc tế TIMO cấp quốc gia: 1 giải vàng, 2 cúp vàng

- Toán Olympic Quốc tế ASMO:

+ Cấp tỉnh: 1 giải bạc

+ Cấp quốc gia: 1 giải vàng

- Về các hội thao

+ Hội thao phường chào mừng 20/11: 1 giải nhì, 1 giải ba

+ Hội thi nhảy dân vũ: 1 giải ba (GV), 1 giải khuyến khích (HS)

+ Giải cầu lông cấp phường: 1 giải nhất, 3 giải nhì, 5 giải ba, giải nhì toàn đoàn

- Thi viết sáng kiến về an toàn trường học:

+ Cấp phường: 2 giải nhì

+ Cấp tỉnh: 2 giải khuyến khích

- Thi chỉ huy Đội giỏi cấp tỉnh: 1 giải ba



Nguyễn Thị Duyên

